



**ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM
INNOVATING PHYSICAL EDUCATION TEACHER TRAINING
IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION IN VIETNAM**

Phan Thanh Việt*

Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

*viettp@upes.edu.vn

Ngày nhận bài:

11/12/2025

Ngày chấp nhận

đăng:

21/01/2026

Keywords: Teacher training, physical education, curriculum, digital transformation.

ABSTRACT

This study systematically investigates the structural alignment of Physical Education teacher training programs in Vietnamese universities with the urgent national agenda for enhancing educator competency in the era of digital transformation. Employing a comparative analysis methodology, we scrutinize six recently issued undergraduate Physical Education curricula (2022-2024) to ascertain their responsiveness to contemporary educational demands. The initial findings confirm that the revised programs generally exhibit a proactive trend toward strengthening core professional qualities and competencies in students, notably reflecting the requirements of the 2018 General Education Program. However, a critical gap is identified regarding the integration of digital literacy and instructional technology. Based on this evident structural deficit, the research strongly advocates for a comprehensive, strategic curriculum restructuring. This initiative must prioritize the deep integration of digital competencies to cultivate a new generation of Physical Education educators who are not only subject-matter experts but are also proficient in leveraging digital technologies to optimize learning and management, thus directly addressing the strategic human resource objectives established by Resolution No. 57-NQ/TW and Resolution No. 71-NQ/TW of the Politburo.

TÓM TẮT

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu mức độ đáp ứng của các chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục thể chất ở một số trường đại học đối với yêu cầu về nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam hiện nay. Thông qua phương pháp phân tích và đối sánh cấu trúc của 06 chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất được các cơ sở giáo dục đại học ban hành trong giai đoạn 2022-2024, bài viết đã làm rõ được những đặc điểm liên quan đến xu hướng tăng cường phẩm chất và năng lực cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất nhằm đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tuy nhiên, nội dung về chuyển đổi số và công nghệ dạy học trong các chương trình đào tạo được khảo sát vẫn còn khiêm tốn. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số nội dung về đổi mới hoạt động tái cấu trúc chương trình đào tạo theo hướng tăng cường tích hợp năng lực số nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ giáo viên ngành Giáo dục thể chất không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn có kỹ năng tốt về ứng dụng công nghệ số đáp ứng

Từ khóa: Đào tạo giáo viên, giáo dục thể chất, chương

1. Giới thiệu

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư đã và đang tạo ra những bước chuyển ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Chuyển đổi số trở thành một xu thế tất yếu và là động lực quan trọng thúc đẩy giáo dục đổi mới và phát triển toàn diện ở mọi cấp độ, từ giáo dục phổ thông cho đến giáo dục đại học. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI đã xác định rõ mục tiêu “*đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*”, trong đó nhấn mạnh việc chuyển tiếp quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Tiếp nối định hướng đó, Nghị quyết số 52-NQ/TW (Bộ Chính trị, 2019), Nghị quyết số 57-NQ/TW (Bộ Chính trị, 2024) và gần đây nhất là Nghị quyết số 71-NQ/TW (Bộ Chính trị, 2025) đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với việc thúc đẩy hoạt động đổi mới giáo dục gắn liền với các mục tiêu về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; coi đây là một trong những phương thức trọng yếu để tạo ra sự đột phá cần thiết nhằm rút ngắn tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã đưa môn học Giáo dục thể chất (GDTC) trở thành một môn học giữ vai trò cốt lõi trong việc nâng cao sức khỏe, tầm vóc và định hình nhân cách cho thế hệ trẻ bằng cách chuyển từ việc rèn luyện thể chất đơn thuần sang hình thành và phát triển một cách toàn diện các năng lực thể chất và những phẩm chất cần thiết cho học sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a, 2018b). Điều này đã đặt ra một yêu cầu vô cùng cấp thiết đối với đội ngũ giáo viên GDTC, đó là không chỉ giảng dạy các kỹ thuật động tác mà còn phải biết tổ chức các hoạt động trải nghiệm, có năng lực đánh giá quá trình phát triển thể chất của học sinh dựa trên các dữ liệu một cách chính xác, khoa học. Tuy nhiên, các chương trình đào tạo (CTĐT) giáo viên GDTC hiện nay tại các cơ sở giáo dục đại học đã có những thay đổi và điều chỉnh như thế nào để trang bị cho sinh viên đủ nền tảng năng lực cần thiết trong việc khai thác và ứng dụng các tài nguyên số hóa nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sư phạm gắn liền với hoạt động chuyển đổi số quốc gia vẫn là một vấn đề cần phải được làm rõ. Trên cơ sở phân tích và đối sánh các CTĐT ở các trường đại học, cũng như bên cạnh việc làm rõ những nội dung liên quan đến xu hướng tăng cường phẩm chất và năng lực cho sinh viên ngành GDTC nhằm đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018, thì ở các CTĐT đang có những khoảng trống hiện hữu về phát triển năng lực số đặc thù cho sinh viên ngành GDTC, cho nên bài nghiên cứu sẽ đề xuất một số giải pháp cụ thể cho hoạt động đổi mới công tác đào tạo giáo viên GDTC, góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu mà Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 52-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/TW đã đặt ra.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích và đối sánh tài liệu để làm rõ những nội dung liên quan đến yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và hoạt động chuyển đổi số được nêu ra trong các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, nghiên cứu cũng tiến hành đối sánh 06 CTĐT trình độ đại học ngành GDTC của 06 cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: (1) Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, (2) Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, (3) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, (4) Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, (5) Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng, và (6) Trường Đại học Cần Thơ; nội dung đối sánh tập trung vào cấu trúc của CTĐT, tổng số tín chỉ, đặc điểm của các học phần có liên quan về công nghệ thông tin và chuyển đổi số được thể hiện trong CTĐT.

Các CTĐT được lựa chọn trong nghiên cứu này dựa trên 3 tiêu chí cơ bản:

(1) Các trường có đào tạo ngành GDTC phải đạt tiêu chuẩn và đã được cấp chứng nhận kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(2) CTĐT được ban hành không quá 5 năm và hiện đang được áp dụng cho các khóa đào tạo tại mỗi trường;

(3) CTĐT được công bố công khai và có thể truy cập thông tin qua kết nối internet.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1 Khái quát về chuyển đổi số trong giáo dục

Chuyển đổi số là quá trình cải thiện một thực thể bằng cách tạo ra những thay đổi đáng kể đối với các thuộc tính của nó thông qua sự kết hợp của công nghệ thông tin, máy tính, truyền thông và kết nối (Gregory Vial, 2019). Quá trình này chính là bước phát triển tiếp theo của tin học hóa, có được nhờ sự tiến bộ vượt bậc của những công nghệ mới mang tính đột phá, gọi chung là công nghệ số, từ đó làm thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số của từng cá nhân, tổ chức (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021). Chuyển đổi số không chỉ giúp tăng năng suất, giảm chi phí mà còn mở ra không gian phát triển mới, tạo ra các giá trị mới ngoài các giá trị truyền thống vốn có. Bên cạnh những điều kiện cần thiết về nguồn nhân lực, hạ tầng và nền tảng công nghệ thì việc xây dựng các thể chế, chính sách cũng như sự chuẩn bị nguồn lực tài chính đầy đủ, kịp thời cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với quá trình chuyển đổi số (Ngô Sỹ Trung, 2022; Nguyễn Văn Anh và cộng sự, 2023). Trong lĩnh vực giáo dục, hoạt động chuyển đổi số được thúc đẩy nhằm hướng đến mục tiêu “*tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số*”. Các trụ cột chính của quá trình chuyển đổi số trong giáo dục bao gồm: (1) Chuyển đổi số trong các hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá; (2) Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục và quản lý ngành giáo dục; (3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Việc xây dựng và phát triển các nền tảng số hóa phục vụ giáo dục, triển khai các mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - nghệ thuật - toán học (STEAM) ở các cấp học phổ thông, cũng như công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT ở bậc đại học, sau đại học và dạy nghề được xem là những hoạt động cốt lõi và xuyên suốt trong tiến trình chuyển đổi số giáo dục, hướng đến đào tạo cá thể hóa (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021).

3.2 Đặc điểm của các CTĐT trình độ đại học ngành GDTC ở một số cơ sở giáo dục đại học

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành CTĐT cử nhân GDTC gồm 140 tín chỉ (2022) với 30,71% thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (tương đương 43 tín chỉ) và 69,29% thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (tương ứng 97 tín chỉ). Trong đó, có các học phần trang bị kiến thức và kỹ năng về dinh dưỡng (2 tín chỉ), vệ sinh (2 tín chỉ) thể hiện được mức độ đáp ứng với mục tiêu “*hình thành và phát triển năng lực chăm sóc sức khỏe*” cho người học mà Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã đặt ra (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a, 2018b). Tuy nhiên, khối lượng kiến thức về công nghệ thông tin hoặc ứng dụng công nghệ số vẫn còn khá hạn chế, chỉ mới dừng lại ở việc giúp người học hiểu rõ những vấn đề lý thuyết và thực hành cơ bản về tin học với thời lượng 2 tín chỉ. Chính vì vậy, trong bản cập nhật CTĐT áp dụng từ khóa đào tạo 2025, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vào một số học phần mới như *Ứng dụng AI trong TDTT, Truyền thông thể thao* nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về đổi mới và tăng cường chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo giáo viên GDTC.

Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành GDTC của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (2022) thể hiện tổng khối lượng kiến thức của chương trình là 132 tín chỉ, bao gồm: 25 tín chỉ thuộc khối kiến thức chung (chiếm 18,94%), 34 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (chiếm 25,67%), 57 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành (chiếm 43,18%), 10 tín chỉ thực

tập sự phạm (7,57%) và 6 tín chỉ khóa luận tốt nghiệp (chiếm 4,55%). Các học phần trang bị kiến thức về dinh dưỡng, vệ sinh và ứng dụng công nghệ thông tin hoặc công nghệ số đều có tính tương đồng với CTĐT của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Khối lượng kiến thức này (thể hiện qua 3 học phần) chiếm tỷ trọng 4,55% (tương đương 6 tín chỉ) vẫn còn khá khiêm tốn so với tổng thời lượng đào tạo của chương trình và cũng chưa có học phần mang tính chuyên sâu về công nghệ số hoặc ứng dụng công nghệ vào hoạt động GDTC đặc thù.

Sinh viên ngành GDTC ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2024) tham gia học tập với CTĐT được thiết kế gồm 124 tín chỉ, ít hơn khá nhiều so với CTĐT ngành tương ứng của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Đây cũng là CTĐT có tổng số tín chỉ ít nhất trong 6 CTĐT mà nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, đối sánh. Cấu trúc CTĐT này được phân hóa thành 4 hợp phần: Các học phần nền tảng (chiếm 72 tín chỉ), các học phần nghiệp vụ (chiếm 36 tín chỉ), các học phần thực hành và thực tập nghề nghiệp (10 tín chỉ), các học phần tốt nghiệp (6 tín chỉ). Điểm nổi bật ở CTĐT này chính là việc đưa vào các học phần tự chọn như *Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục, Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề, Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo, Giáo dục đời sống...* bên cạnh các học phần bắt buộc mang tính tương đồng với CTĐT cùng ngành ở các cơ sở giáo dục đại học khác như *Vệ sinh học thể dục thể thao* hay *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GDTC...* Điều này thể hiện ưu điểm của CTĐT trong bối cảnh tăng cường thích ứng và vận dụng công nghệ vào đổi mới hoạt động đào tạo gắn với chuyển đổi số.

CTĐT và chương trình dạy học trình độ đại học ngành GDTC do Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh ban hành năm 2024 được mô tả gồm 125 tín chỉ và được chia thành 4 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương (31 tín chỉ), khối kiến thức cơ sở ngành (32 tín chỉ), khối kiến thức ngành (48 tín chỉ), thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp (14 tín chỉ). Trong đó, kiến thức về vệ sinh thể dục thể thao thuộc nhóm học phần tự chọn (2 tín chỉ) và kiến thức về tin học đại cương thuộc nhóm học phần bắt buộc (2 tín chỉ). Như vậy, CTĐT này vẫn chưa có các học phần tương thích với yêu cầu đổi mới sáng tạo và tăng cường chuyển đổi số cho sinh viên chuyên ngành GDTC.

Trong khi đó, CTĐT trình độ đại học ngành GDTC của Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng (2023) với 130 tín chỉ và được phân chia ở 3 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương (33 tín chỉ), kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (80 tín chỉ), kiến thức nghiệp vụ (17 tín chỉ). Mặc dù trong CTĐT có thể hiện các nội dung về giáo dục vệ sinh (2 tín chỉ) và tin học (2 tín chỉ) hay dinh dưỡng và hồi phục (tự chọn, 2 tín chỉ) nhưng lại thiếu vắng các học phần về định hướng phát triển năng lực sử dụng và khai thác công nghệ số phục vụ hoạt động giáo dục đặc thù của môn học GDTC.

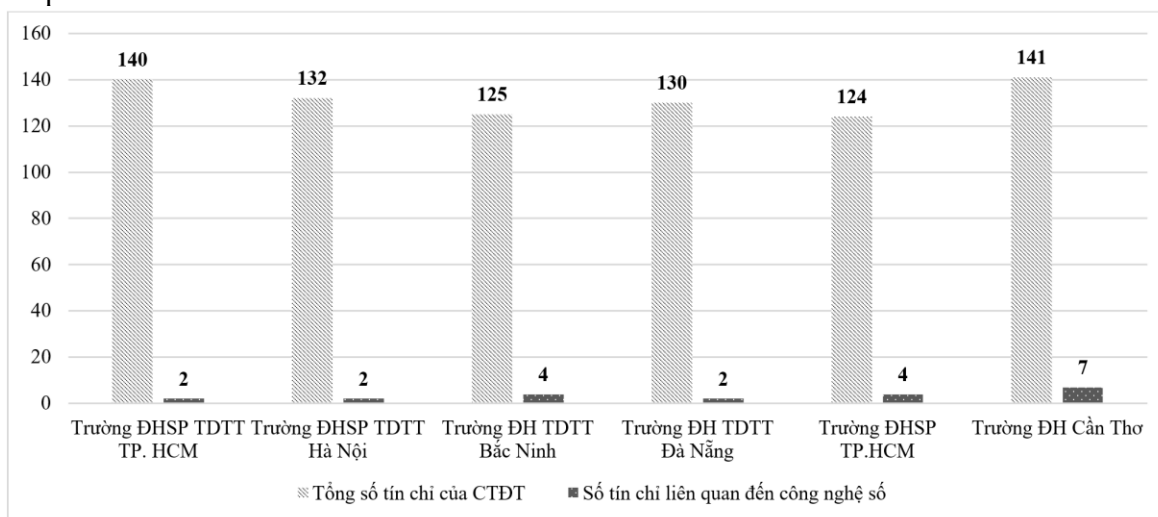
Bảng 1. Đối sánh cấu trúc CTĐT trình độ đại học ngành GDTC ở một số trường đại học

Trường	Năm ban hành CTĐT	Tổng số tín chỉ	Phân phối cấu trúc CTĐT	Học phần đáp ứng đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và hoạt động chuyển đổi số
Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	2022	140 tín chỉ	Kiến thức đại cương (30,71%) Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (69,29%)	- Vệ sinh học TDTT (2 tín chỉ). - Dinh dưỡng học đường và dinh dưỡng thể thao (2 tín chỉ). - Tin học (2 tín chỉ).
Trường Đại học	2022	132	Kiến thức chung	- Vệ sinh học TDTT (2 tín

học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội		tín chỉ	(18,94%) Kiến thức cơ sở ngành (25,67%) Kiến thức chuyên ngành (43,18%) Thực tập sư phạm (7,57%) Khóa luận tốt nghệ/Học phần thay thế (4,55%)	chi). - Tin học (2 tín chỉ). - Dinh dưỡng trong Thể dục thể thao (2 tín chỉ).
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	2024	124 tín chỉ	Học phần nền tảng (58,06%) Học phần nghiệp vụ (29,03%) Học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp (8,06%) Học phần tốt nghệ (4,84%)	- Vệ sinh học Thể dục thể thao (2 tín chỉ). - Giáo dục đời sống (2 tín chỉ). - Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề (2 tín chỉ). - Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo (2 tín chỉ). - Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (2 tín chỉ). - Giáo dục vì sự phát triển bền vững (2 tín chỉ). - Khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp (2 tín chỉ). - Ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC (2 tín chỉ).
Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh	2024	125 tín chỉ	Kiến thức giáo dục đại cương (24,80%) Kiến thức cơ sở ngành (25,60%) Kiến thức ngành (38,40%) Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp (11,20%)	- Tin học đại cương (2 tín chỉ). - Văn hóa thể thao (2 tín chỉ). - Khởi nghiệp sáng tạo (2 tín chỉ). - Vệ sinh thể dục thể thao (2 tín chỉ).
Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng	2023	130 tín chỉ	Kiến thức giáo dục đại cương (25,38%) Kiến thức giáo dục chuyên nghệ (61,55%) Kiến thức nghiệp vụ (13,07%)	- Tin học (2 tín chỉ). - Vệ sinh học thể dục thể thao (2 tín chỉ). - Dinh dưỡng và hồi phục (2 tín chỉ).
Trường Đại học Cần Thơ	2024	141 tín chỉ	Kiến thức giáo dục đại cương (28,37%)	- Tin học cơ bản (1 tín chỉ). - Thực hành tin học căn bản (2 tín chỉ).

Kiến thức cơ sở ngành (27,66%)	- Kỹ năng mềm (2 tín chỉ). - Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (2 tín chỉ).
Kiến thức chuyên ngành (43,97%)	- Vệ sinh học đường (2 tín chỉ). - Ứng dụng CNTT trong thể dục thể thao (2 tín chỉ).

Điểm nổi bật của CTĐT ngành GDTC trình độ đại học do Trường Đại học Cần Thơ công bố (2024) chính là sự xuất hiện của học phần *Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp* (2 tín chỉ) và *Ứng dụng công nghệ thông tin trong Thể dục thể thao* (2 tín chỉ) bên cạnh các học phần trang bị kiến thức và kỹ năng về tin học căn bản, vệ sinh học đường,... trong cấu trúc tổng thể 141 tín chỉ của cả CTĐT. Tuy nhiên, sự thiếu hụt các học phần liên quan đến dinh dưỡng, kỹ năng số hay ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động GDTC cũng cần được xem xét đưa vào trong các chu kỳ đào tạo tiếp theo.



Biểu đồ 1. Số tín chỉ liên quan đến công nghệ số trong các CTĐT ngành GDTC

Như vậy, xét về mặt cấu trúc tổng thể, các CTĐT ngành GDTC trình độ đại học ở 06 cơ sở giáo dục đại học được khảo sát đều có tổng khối lượng học tập (từ 124 đến 141 tín chỉ) phù hợp với quy định hiện hành về khối lượng học tập tối thiểu của một CTĐT trình độ đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Đồng thời, các CTĐT này đều có những học phần đảm bảo tính tương thích và đáp ứng khá tốt yêu cầu về đổi mới hoạt động giáo dục ở môn học GDTC theo hướng tăng cường năng lực vệ sinh, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho học sinh mà Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã đặt ra. Nếu như CTĐT ngành GDTC ở Trường Đại học Cần Thơ có khối lượng tín chỉ là lớn nhất (141 tín chỉ) cũng như số lượng các học phần liên quan công nghệ số nhiều nhất (7 tín chỉ), thì CTĐT tương ứng ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tuy có tổng số tín chỉ là ít nhất nhưng lại được thiết kế khá nhiều học phần đặc trưng, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo giáo viên ngành GDTC như: *Ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC, Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục, Giáo dục vì sự phát triển bền vững, Khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp, Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề*,.... Tuy nhiên, nhìn chung thì tỷ lệ các học phần có nội dung liên quan đến đổi mới sáng tạo và tăng cường ứng dụng công nghệ số vào giảng dạy vẫn còn khá hạn chế (chỉ chiếm từ 1,43% đến 4,95%). Điều này có thể được lý giải theo góc độ tiến trình thời gian: Các CTĐT mà nghiên cứu này tiến hành khảo sát được ban hành trong giai đoạn 2022 - 2024, trong khi Nghị quyết 57-NQ/TW được ban hành cuối năm 2024 và Nghị quyết 71-NQ/TW mới được ban hành vào tháng 8 năm 2025. Mặc dù các trường đại học đã có sự chủ động, tích cực trong việc nghiên cứu và

chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho quá trình chuyển đổi số để đáp ứng những yêu cầu về đổi mới công tác đào tạo giáo viên GDTC vốn mang tính đặc thù của môi trường giáo dục đại học, nhưng vẫn còn có những rào cản và hạn chế nhất định, cần phải có thêm những giải pháp mang tính đột phá, gắn liền với định hướng mà các Nghị quyết của Trung ương đã đặt ra.

3.3 Đổi mới đào tạo giáo viên GDTC thông qua đổi mới CTĐT trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam

Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất 3 nhóm giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, nhóm giải pháp về đổi mới CTĐT. Việc đưa vào nội dung môn học GDTC các kiến thức chung về vệ sinh và dinh dưỡng trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học phải nghiên cứu điều chỉnh và bổ sung thêm các học phần tương ứng trong CTĐT giáo viên GDTC để đảm bảo nguồn nhân lực sư phạm tương lai có sự trang bị đầy đủ nhất cả về kiến thức lẫn kỹ năng khi tham gia vào môi trường thực hành nghề nghiệp. Bên cạnh đó, để đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về đổi mới sáng tạo gắn liền với tiến trình thực hiện chuyển đổi số quốc gia, thì việc xem xét, rà soát theo định hướng tăng cường hàm lượng kiến thức về công nghệ trong các CTĐT ngành GDTC là rất cần thiết. Sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là sự bùng nổ của các nền tảng công nghệ số về giáo dục mang tính ứng dụng thực tiễn cao như hiện nay, đòi hỏi các nhà sư phạm tương lai nói chung, đội ngũ giáo viên GDTC nói riêng, phải có đủ kiến thức và kỹ năng để khai thác, ứng dụng một cách khoa học, hiệu quả vào hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Rõ ràng, hoạt động đổi mới công tác đào tạo giáo viên GDTC trong bối cảnh chuyển đổi số nên gắn liền với việc trang bị cho các nhà sư phạm GDTC tương lai những kiến thức và kỹ năng cơ bản để họ có thể hình thành và phát triển năng lực thiết kế bài giảng số, năng lực sử dụng các nền tảng công nghệ số vào hoạt động giảng dạy, năng lực thu thập và số hóa dữ liệu thể chất của học sinh,... Chính vì vậy, các cơ sở giáo dục đại học có thể xem xét thiết kế bổ sung vào chương trình giảng dạy trong chu kỳ đào tạo mới nhất những học phần mang tính đặc thù như *Số hóa hoạt động thể chất, Công nghệ AI trong giảng dạy GDTC, Phân tích chuyển động cơ thể bằng công nghệ số*,... để bắt kịp xu hướng và đáp ứng các mục tiêu về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo theo tinh thần của Nghị quyết 71-NQ/TW.

Thứ hai, nhóm giải pháp về đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo. Để tăng cường mức độ tương tác cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo giáo viên GDTC, việc áp dụng các mô hình giáo dục hiện đại như mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom) hay mô hình học tập kết hợp (blended learning),... là rất cần thiết. Thông qua các mô hình này, sinh viên ngành GDTC không chỉ đạt được sự chủ động trong tiến trình tiếp thu tri thức mà còn mở rộng thêm nhiều cơ hội tiếp xúc và làm quen với môi trường số, kiến tạo tiền đề cho việc khai thác và ứng dụng vào hoạt động nghề nghiệp của bản thân sau này. Song song đó, việc xây dựng các kho học liệu số trên nền tảng thực tế ảo (3D/Virtual reality - VR/Augmented reality - AR/....) cho các học phần đặc thù khác trong CTĐT như *Giải phẫu, Sinh lý học thể dục thể thao, các học phần chuyên sâu về thể dục thể thao*,... cũng rất quan trọng. Chúng không chỉ giúp cho sinh viên có cái nhìn trực quan và sâu sắc hơn về kiến thức hoặc kỹ thuật vận động thông qua hoạt động tương tác và trải nghiệm trong các giờ học, mà các nền tảng học liệu số này cũng chính là nguồn tài nguyên quý giá trên con đường thực hành chuyên môn sau này của các nhà sư phạm tương lai.

Thứ ba, nhóm giải pháp về tăng cường nghiên cứu ứng dụng sư phạm trong lĩnh vực GDTC gắn liền với hoạt động chuyển đổi số trong giáo dục. Hoạt động sư phạm của đội ngũ giáo viên làm công tác GDTC vốn mang nhiều yếu tố đặc thù, gắn liền với năng lực vận động và sự phát triển thể chất của học sinh, do đó rất cần có những nghiên cứu mang tính ứng dụng chuyên sâu, phù hợp với nội dung môn học. Bên cạnh đó, cùng với việc đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông thì các CTĐT giáo viên nói chung, CTĐT ngành GDTC nói riêng, tại các cơ sở giáo dục đại học cũng cần phải có sự đổi mới theo hướng tăng cường khai thác thành tựu khoa

học công nghệ vào lĩnh vực sư phạm, hướng đến một nền giáo dục số hóa, tạo ra bước phát triển đột phá trong tiến trình xây dựng thể hệ người Việt Nam mới có đủ bản lĩnh, trí tuệ, năng lực, trình độ, sức khỏe để đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì thế, trong Nghị quyết số 52-NQ/TW, Đảng đã đề ra chủ trương “*khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên các nền tảng số*” (Bộ Chính trị, 2019). Đồng thời, phải xem giáo dục đại học “*là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*” (Bộ Chính trị, 2025). Do vậy, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong đào tạo giáo viên GDTC cũng cần được đầu tư và chú trọng nhiều hơn; các cơ sở giáo dục đại học cần tăng cường kết nối, chia sẻ, thảo luận thông qua các diễn đàn học thuật, hội nghị, hội thảo để cùng xây dựng một khung CTĐT giáo viên GDTC mang tính chuẩn hóa, hướng đến mục tiêu tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ cho thế hệ trẻ và góp phần hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra.

4. Kết luận

Nghiên cứu này đã chỉ ra được những điểm sáng trong nỗ lực cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngành GDTC trình độ đại học của các cơ sở giáo dục đại học nhằm đáp ứng tốt hơn các mục tiêu mà Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cũng như các chương trình về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đặt ra. Trên cơ sở đối sánh 6 CTĐT ngành GDTC ở một số trường đại học, chúng tôi đề xuất 3 nhóm giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy tiến trình đổi mới công tác đào tạo giáo viên GDTC trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam đang diễn ra mạnh mẽ và sâu rộng như hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*
- Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*
- Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông - Môn Giáo dục thể chất* (ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học* (ban hành theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Bộ Thông tin và Truyền thông. (2021). *Cẩm nang chuyển đổi số.* NXB Thông tin và Truyền thông. <https://shorturl.at/GAYcC>.
- Gregory Vial. (2019). *Understanding digital transformation: A review and a research agenda.* Journal of Strategic Information Systems, 28(2). <https://doi.org/10.1016/j.jsis.2019.01.003>.
- Ngô Sỹ Trung. (2022). *Chuyển đổi số và điều kiện thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước.* Tạp chí Quản lý Nhà nước. <https://shorturl.at/3fYIq>.
- Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Văn Tám. (2023). *Chuyển đổi số xu hướng tất yếu để phát triển giáo dục.* Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Số 69, tr.12-19. <https://shorturl.at/DvE2Z>.

- Thủ tướng Chính phủ. (2022). Đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*” (ban hành theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ).
- Trường Đại học Cần Thơ. (2024). *Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất*. Link: <https://shorturl.at/MJLa6>.
- Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. (2024). *Chương trình giáo dục đại học ngành Giáo dục thể chất* (ban hành theo Quyết định số 2619/QĐ-ĐHSP ngày 04/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh).
- Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. (2022). *Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất* (ban hành theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 08/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội).
- Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. (2022). *Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Giáo dục thể chất* (ban hành theo Quyết định số 515/QĐ-ĐHSPTDTH ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh).
- Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh. (2024). *Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học ngành Giáo dục thể chất* (ban hành theo Quyết định số 648/QĐ-TDTHBN ngày 25/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh).
- Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng (2023). *Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Giáo dục thể chất* (ban hành theo Quyết định số 872/QĐ-TDTHĐN ngày 24/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng).